| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TUYÊN HÓA**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc L - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 6 - 2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Mai Xuân Minh và ông Hoàng Trọng Thủy

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1986

Nơi ĐKHKTT: Thôn Y, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Chỗ ở hiện nay: Thôn Tân L B, xã Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh K (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2021, bản tự khai ngày 05/01/2022, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể tự giải quyết được nên thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung trong cuộc sống; mặc dù đã cố gắng duy trì hôn nhân vì hạnh phúc

gia đình nhưng không đạt được kết quả. Hiện tại tình cảm vợ, chồng thực sự không còn, hai bên không còn quan tâm đến nhau, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Hiện tại chị đang làm ăn và tạm trú tại thôn Tân L B, xã Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh K. Vì vậy chị mong muốn được ly hôn với anh P. Quá trình chung sống chị và anh P có 03 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 07/12/2004; Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/9/2006 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/4/2009. Hiện nay các con đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con. Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con do anh P đang bị bệnh vì vậy không có khả năng tạo ra thu nhập. Về tài sản và công nợ chung: Chị và anh P tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, thông qua Ủy ban nhân dân xã P, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hòa giải để anh P đến Tòa án ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng anh P không đến Tòa án và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình. Ngày 29/4/2022, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, gia đình và lấy lời khai của anh P. Tại biên bản lấy lời khai, ý kiến trình bày của bị đơn anh Nguyễn Văn P: Anh đồng ý với lời trình bày của chị Trần Thị D trong hồ sơ vụ án về các mối quan hệ tình cảm, con chung, tài sản, nợ chung của vợ chồng. Theo anh P nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do từ năm 2020 vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau do anh uống rượu say không kiềm chế được có nói nặng lời khiến chị D bỏ đi. Mặt khác bản thân anh hay bị đau ốm bệnh tật nhưng chị D không thông cảm nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2021 đến nay. Chị D có về nhà hai lần nhưng vợ chồng không chung sống cũng không liên lạc. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh là người theo đạo Thiên chúa giáo nên không được phép ly hôn, còn việc chị D yêu cầu ly hôn thì tùy chị D. Về con chung anh đồng ý giao cả 03 con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đến lúc các con trưởng thành. Tuy nhiên hiện nay anh không có công việc ổn định, đang hưởng trợ cấp chế độ 202 của xã hội do bị khuyết tật mức độ nặng. Anh P có cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận khuyết tật của xã. Về tài sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nợ chung mà để vợ chồng tự thỏa thuận.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2022, các cháu Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 07/12/2004; Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/9/2006 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/4/2009 cùng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Trần Thị D. Vì từ khi bố mẹ ly thân với nhau cho đến nay, các cháu đã ở cùng mẹ tại thôn Tân L B, xã Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh K.

Quá trình giải quyết vụ án, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 29/4/2022 do anh bị đau ốm thường xuyên nên không thể đi xa. Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 13/6/2022, chị D cũng làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong các phiên xét xử của Tòa án vì điều kiện công việc của chị bận và

nơi ở của chị ở xa, mặt khác tình hình dịch bệnh Covid phức tạp, việc đi lại gặp nhiều khó khăn nên chị không thể trực tiếp tham gia phiên tòa được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa phát biểu về việc tuân theo pháp luật đối với Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng và đủ thành phần theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị D và bị đơn anh Nguyễn Văn P đều có đơn xét xử vắng mặt. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn P. Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Trần Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn P. Về con chung đề nghị áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao 03 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 07/12/2004; Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/9/2006 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/4/2009 cho chị D tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chị D và anh P tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn P, đây là tranh chấp dân sự về ly hôn. Anh P có nơi cư trú tại thôn Y, xã P, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ. Như vậy các đương sự không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị D và anh P là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc hôn nhân giữa chị D và anh P là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã có một thời gian dài chung sống với nhau hạnh phúc, kết quả là có được 03 đứa con chung. Lẽ ra vợ chồng phải biết vun đắp cho tổ ấm của mình ngày càng bền vững, hạnh phúc, nhưng do lỗi cả hai phía, vợ chồng thiếu sự thông cảm với nhau trong cuộc sống nên thường xảy ra bất hòa, cãi vã dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị D có nguyện vọng được ly hôn với anh P vì hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau,

tình cảm vợ, chồng thực sự không còn, hai bên không quan tâm đến nhau nữa, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Tại biên bản lấy lời khai, anh P cũng thừa nhận từ năm 2020 vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, hai bên không thông cảm cho nhau trong cuộc sống, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn chị D vì anh là người theo đạo Thiên chúa giáo không được phép ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình bền vững hạnh phúc không đạt được.Vợ chồng đã sống ly thân, hai bên bỏ mặc không quan tâm đến nhau. tình cảm vợ chồng hiện tại thực sự không còn. Nếu duy trì cuộc hôn nhân này sẽ không có lợi cho cả hai phía. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị Trần Thị D là chính đáng. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn P là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn P có 03 con chung: Cháu đầu là Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 07/12/2004; cháu thứ hai Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/9/2006 và cháu thứ ba Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/4/2009. Hai bên đều thống nhất chị D tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cả 03 con. Mặt khác, cả 03 cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo điều kiện ổn định cuộc sống, học tập của các con và phù hợp với nguyện vọng của chị D, anh P và các con, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao 03 con chung Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 07/12/2004; Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/9/2006 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/4/2009 cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đến lúc các con trưởng thành. Tuy nhiên hiện nay anh P không có công việc ổn định, đang hưởng trợ cấp chế độ 202 của xã hội do bị khuyết tật mức độ nặng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc buộc anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là không có khả năng để thực hiện. Mặt khác chị D không có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị D và bị đơn anh Nguyễn Văn P.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

3. Về con chung: Xử giao 03 con chung Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 07/12/2004; Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/9/2006 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/4/2009 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản việc đi lại trông nom, chăm sóc con chung, vì lợi ích của con khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, theo biên lai số 0000024 ngày 16/12/2021. Như vậy chị D đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hoá;
- Đương sự;
- UBND xã P, Tuyên Hóa, QB;
(Số vào sổ đăng ký kết hôn 12/2005)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Đoàn Thị Bích Thủy**